

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2025

V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5A, khu phố K, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Danh H, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5A, khu phố K, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2025 và lời khai nguyên đơn bà Phạm Thị L trong quá trình tham gia tố tụng:

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, bà L và ông H có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc. Năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm, không cùng ý kiến, không hợp nhau. Ông H sống không có trách nhiệm, không phụ giúp bà L về kinh tế, la mắng, xúc phạm bà L và gia đình bà L mà không có lý do. Vì mâu thuẫn trên, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay.

Nay, vì tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn ông Danh H:*

Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông H không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt:

Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt. Việc vắng mặt của ông H không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Bà L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/01/2010. Như vậy, hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà L xác định giữa bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm, không cùng ý kiến, không hợp nhau. Ông H sống không có trách nhiệm, không phụ giúp bà L về kinh tế, la mắng, xúc phạm bà L và gia đình bà L mà không có lý do. Vì mâu thuẫn trên, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay.

Quá trình tố tụng, ông H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, xem như ông H từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H không còn hạnh phúc. Bà L xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và bà L không còn tình cảm với ông H. Ông H không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy ông H không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc: Tranh chấp về ly hôn với bị đơn ông Danh H.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Danh H.

- Về con chung: Dương sự tự khai không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00009959 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- UBND phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An